

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Nhận và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2023, về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2023; Quyết định hoãn phiên toà số 28a/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1987, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở: Khu 2, thị trấn T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1964; vắng mặt.

- Anh Hoàng Gia L, sinh năm 1978; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh L trình bày: Anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/3/2020 và chung sống đến khoảng tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân, không

còn quan tâm đến nhau. Nay, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh L, chị M có một con là Hoàng A. Đ, sinh ngày 26/10/2020, hiện tại do chị M nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh L đề nghị giao con cho chị M nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị M là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ, công sức: Anh L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản, không nợ tài sản của ai, không cho ai vay tài sản, không có công sức đóng góp vào khối tài sản của gia đình hai bên. Khi ly hôn, anh L không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng chị M không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Biên bản lấy lời khai, bà Ng, anh L (là mẹ, anh họ của đương sự) đều xác định: Anh L, chị M là vợ chồng, khi còn chung sống có phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không thành, đã sống ly thân, đến nay không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Nay các bên đương sự ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn, bà Ng và anh L đề nghị giải quyết theo pháp luật; giao cháu Đ cho chị M nuôi dưỡng. Bà Ng xác định đối với các văn bản tố tụng của Tòa án đã giao, thông báo cho chị M.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng (trừ chị M) đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, anh L được ly hôn chị M; giao cháu Đ cho chị M nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị M là 1.500.000đ/tháng; anh L phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; chị M được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Anh L, chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/3/2020, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2023 cho tới nay, không còn quan tâm đến nhau. Xác minh tại chính quyền địa phương, người thân trong gia đình của đương sự, đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, anh L, gia đình của đương sự đã thông báo cho chị M biết, nhưng chị M không khai báo, từ chối không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ chị M không tha thiết và mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân; còn anh L cương quyết xin ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa các bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh L, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử anh L được ly hôn chị M.

[3]. Về con chung: Xác định anh L, chị M có một con chung là cháu Hoàng A. Đ, sinh ngày 26/10/2020. Khi ly hôn, anh L đề nghị giao con chung cho chị M nuôi dưỡng; tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị M 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc nuôi dưỡng con chung của đương sự, HĐXX thấy rằng: Cháu Đ hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi, trước đây cũng như hiện tại do chị M nuôi dưỡng, quá trình nuôi dưỡng chị M đảm bảo các điều kiện về nuôi dưỡng; mặt khác về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, có căn cứ giao cháu Đ cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định của pháp luật, tránh xáo trộn về tâm lý, nơi ở, việc học tập, vui chơi của cháu Đ và phù hợp với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và nguyện vọng của các bên đương sự. Do giao cháu Đ cho chị M nuôi dưỡng, nên anh L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị M ở mức khoảng 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi, vì vậy HĐXX chấp nhận sự tự nguyện nói trên của anh L. Đồng thời anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được ngăn cản, như theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Anh L không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Ngoài ra anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, nên phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các Điều 58; 81; 82; 83; 116; 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn L ly hôn chị Hoàng Thị M.

2. Về con chung: Giao con Hoàng A. Đ, sinh ngày 26/10/2020 cho chị Hoàng Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Hoàng Thị M là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000894 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh Hoàng Văn L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA